

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn Bảo hiểm Y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp Quốc gia sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 5421/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc ARV sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-TTMS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTMS ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung giữa Bên mời thầu và các nhà thầu;

Căn cứ công văn số 289/AIDS-ĐT của Cục Phòng, chống HIV/AIDS về việc cập nhật thông tin hành chính cơ sở nhận thuốc ARV;

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-NVĐT ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ Thẩm định đấu thầu ngày 13/5/2022;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt, cụ thể:

1. Hoạt chất Efavirenz 600mg nhóm 2:
 - Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội;
 - Giá trúng thầu: 757.369.725 VND (Bảy trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo);
 - Loại hợp đồng: Thỏa thuận khung - Hợp đồng theo đơn giá cố định (do Trung tâm Giám định bảo hiểm và thanh toán đa tuyến ký kết với nhà thầu);
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.
2. Hoạt chất Efavirenz 600mg nhóm 5:
 - Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội;
 - Giá trúng thầu: 2.475.194.690 VND (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi đồng) (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo);

- Loại hợp đồng: Thỏa thuận khung - Hợp đồng theo đơn giá cố định (do Trung tâm Giám định bảo hiểm và thanh toán đa tuyến ký kết với nhà thầu);
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.

3. Hoạt chất Lamivudine/Zidovudine 150/300mg, Nhóm 2:

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1;
- Giá trúng thầu: 6.115.820.480 VND (*Sáu tỷ, một trăm mười lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn, bốn trăm tám mươi đồng*) (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo);
- Loại hợp đồng: Thỏa thuận khung - Hợp đồng theo đơn giá cố định (do Trung tâm Giám định bảo hiểm và thanh toán đa tuyến ký kết với nhà thầu);
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.

4. Hoạt chất Lopinavir/Ritonavir, 200mg + 50mg, Nhóm 1:

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2;
- Giá trúng thầu: 106.312.049.094 VND (*Một trăm linh sáu tỷ, ba trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm chín mươi tư đồng*) (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo);
- Loại hợp đồng: Thỏa thuận khung - Hợp đồng theo đơn giá cố định (do Trung tâm Giám định bảo hiểm và thanh toán đa tuyến ký kết với nhà thầu);
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.

5. Hoạt chất Lopinavir/Ritonavir, 200mg + 50mg, Nhóm 2:

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1;
- Giá trúng thầu: 36.058.333.800 VND (*Ba mươi sáu tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm đồng*) (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo);
- Loại hợp đồng: Thỏa thuận khung - Hợp đồng theo đơn giá cố định (do Trung tâm Giám định bảo hiểm và thanh toán đa tuyến ký kết với nhà thầu);
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành

thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà) thuộc các Phòng: Nghiệp vụ Đấu thầu, Nghiệp vụ Dược, Văn phòng Trung tâm, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc và các nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Phòng, chống HIV/AIDS;
- Trung tâm GDBHYT và TTĐT;
- Các PGĐ Trung tâm;
- Lưu VT, NVĐT.



Lê Thanh Dũng

GÓI THẦU: CUNG CẤP THUỐC ARV NGUỒN BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHI PHÍ ĐỒNG CHI TRẢ CHO CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ TRÊN TOÀN QUỐC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-TTMS ngày 17 tháng 5 năm 2022)

Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Công ty dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VND)	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI															
A01.N2	Aviranz tablets 600mg	Efavirenz	600 mg	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế hà nội	VN3-92-18	Viên nén bao phim	Uống	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	2.495	2.495	303.555	757.369.725
A01.N5	Aviranz tablets 600mg	Efavirenz	600 mg	Nhóm 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế hà nội	VN3-92-18	Viên nén bao phim	Uống	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	2.495	2.495	992.062	2.475.194.690
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1															
A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	VN2-645-17	Viên nén bao phim	Uống	Mylan Laboratories Limited	Ấn Độ	Viên	3.860	3.520	1.737.449	6.115.820.480
A04.N2	Lopimmune Tablets	Lopinavir + Ritonavir	200mg + 50mg	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	VN2-592-17	Viên nén	Uống	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	9.700	9.700	3.717.354	36.058.333.800
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2															
A04.N1	Aluvia	Lopinavir + Ritonavir	200mg + 50mg	Nhóm 1	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	VN-17801-14	Viên nén bao phim	Uống	Abbvie Deutschland GmbH & co.KG	Đức	Viên	12.941	12.941	8.215.134	106.312.049.094
Tổng cộng															151.718.767.789

Ans

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHỤ LỤC II: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO MẶT HÀNG
(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-TTMS ngày 17 / 5 /2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
1	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	303.555	72.018	80.305	75.059	76.173	757.369.725	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội			
1	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
2	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.940	600	780	780	780	7.335.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
3	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	500	110	130	130	130	1.247.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
4	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	378	72	90	108	108	943.110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
5	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
6	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.074	240	264	282	288	2.679.630	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
7	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	144	162	162	162	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
8	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.110	300	270	270	270	2.769.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
9	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
10	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	15.110	3.650	3.750	3.840	3.870	37.699.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
11	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.610	630	630	600	750	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
12	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.890	2.280	2.610	0	0	12.200.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
13	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.360	420	630	590	720	5.888.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
14	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.850	7.650	4.230	4.470	4.500	52.020.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
15	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.820	490	450	480	400	4.540.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bay	Hậu Giang	93108
16	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.710	570	1.770	1.770	600	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
17	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.860	300	360	600	600	4.640.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001

Được

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDX hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
18	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000	19.960.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
19	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
20	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.070	570	450	510	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
21	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
22	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	675	180	180	180	135	1.684.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
23	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	0	180	0	180	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thánh Phô Thu Đức	Hồ Chí Minh	79037
24	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
25	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
26	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	480	120	120	120	120	1.197.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh	79042
27	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.120	780	780	780	780	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
28	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.875	0	5.437	0	5.438	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuốc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
29	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.350	990	1.080	1.380	900	10.853.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
30	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
31	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
32	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.860	2.700	2.700	2.700	2.760	27.095.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
33	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.348	1.837	1.837	1.837	1.837	18.333.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
34	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.230	2.550	2.550	2.550	2.580	25.523.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh	79584
35	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	11.220	1.350	2.910	3.540	3.420	27.993.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
36	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	840	210	210	210	210	2.095.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
37	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
38	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656
39	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	9.700	2.425	2.425	2.425	2.425	24.201.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
40	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.080	2.160	2.220	3.450	2.250	25.149.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
41	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDR hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
42	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.200	1.800	1.800	1.800	1.800	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
43	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	62001
44	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152
45	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai	10009
46	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.950	600	450	450	450	4.865.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai	10008
47	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
48	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.890	450	450	450	540	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Đức	Long An	80006
49	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận	58004
50	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.400	600	600	600	600	5.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
51	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
52	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.185	710	720	855	900	7.946.575	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
53	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.360	750	750	810	1.050	8.383.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
54	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.500	0	2.250	2.250	0	11.227.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
II	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	992.062	257.152	236.072	251.265	247.573	2.475.194.690	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội			
55	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi	An Giang	89185
56	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang	89004
57	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	89012
58	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.240	810	810	810	810	8.083.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện An Phú	An Giang	89003
59	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.700	4.050	2.340	2.610	2.700	29.191.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Châu Phú	An Giang	89008
60	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.520	3.870	2.340	2.610	2.700	28.742.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	An Giang	89005
61	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.930	3.900	3.960	4.020	4.050	39.745.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	An Giang	89006
62	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	3.000	1.740	1.920	1.980	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	An Giang	89009
63	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.750	1.170	4.740	4.890	4.950	39.296.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế thành Phố Long Xuyên	An Giang	89001
64	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.900	1.620	1.710	1.770	1.800	17.215.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Thành Phố Châu Đốc	An Giang	89002

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
65	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
66	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.670	3.680	3.330	3.330	3.330	34.106.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
67	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.880	1.290	1.410	1.560	1.620	14.670.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
68	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	77006
69	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.920	3.840	3.270	3.390	3.420	34.730.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
70	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
71	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	9.720	2.640	2.130	2.430	2.520	24.251.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079
72	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
73	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	180	270	360	360	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004
74	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24011
75	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.630	1.500	1.590	1.740	1.800	16.541.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24280
76	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Bắc Giang	24008
77	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre	83100
78	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.200	3.300	3.300	3.300	3.300	32.934.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
79	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVDKKV Củ Lao Minh	Bến Tre	83600
80	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
81	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.930	430	500	500	500	4.815.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
82	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.512	288	360	432	432	3.772.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
83	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
84	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.296	960	1.056	1.128	1.152	10.718.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
85	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.350	270	360	360	360	3.368.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
86	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.520	576	648	648	648	6.287.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
87	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.454	4.176	5.946	6.576	6.756	58.517.730	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
88	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.420	810	810	900	900	8.532.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau	96002

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SĐK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
89	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau	96001
90	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	540	420	90	30	0	1.347.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	04014
91	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	Cần Thơ	92007
92	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	16.200	4.050	4.050	4.050	4.050	40.419.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa quân Thới Nốt	Cần Thơ	92010
93	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	14.010	3.510	3.510	3.510	3.480	34.954.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004
94	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ	92002
95	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	Cần Thơ	92005
96	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	120	540	540	540	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	Cần Thơ	92006
97	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.160	2.430	2.700	2.970	3.060	27.844.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
98	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	150	60	60	60	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
99	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	390	450	450	450	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	67093
100	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.980	450	450	540	540	4.940.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông	67011
101	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	150	180	180	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil	Đắk Nông	67012
102	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	67014
103	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
104	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	60	90	90	90	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	11002
105	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
106	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai	75234
107	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	35.380	8.500	8.760	9.030	9.090	88.273.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
108	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.540	2.310	1.350	1.440	1.440	16.317.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
109	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
110	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155
111	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân	Hà Nam	35064
112	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Liêm	Hà Nam	35022

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SĐK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
113	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	2.610	1.800	2.070	2.160	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
114	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.825	4.185	2.880	2.880	2.880	31.998.375	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Hà Nội	01004
115	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
116	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	810	630	630	630	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Hà Nội	01817
117	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.610	630	630	750	600	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
118	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.030	1.440	1.530	1.530	1.530	15.044.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Mai Hương	Hà Nội	01070
119	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.230	270	270	330	360	3.068.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Triều Quý	Hà Nội	01027
120	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.150	1.260	630	630	630	7.859.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bùn -	Hà Nội	01059
121	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.370	0	0	2.670	2.700	13.398.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
122	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.700	900	900	1.000	900	9.231.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
123	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.170	1.440	1.620	1.710	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám đa khoa Linh Đàm quận Hoàng Mai	Hà Nội	01045
124	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.930	6.930	3.930	4.020	4.050	47.230.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT) quận Long Biên	Hà Nội	01092
125	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội	01074
126	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
127	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	17.520	4.200	4.350	4.470	4.500	43.712.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Hải Phòng	31153
128	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.380	3.240	3.330	3.390	3.420	33.383.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
129	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồn Lương	Hải Phòng	31014
130	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.290	1.050	1.080	1.080	1.080	10.703.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng	31008
131	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.650	1.140	1.170	1.170	1.170	11.601.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng	31006
132	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.140	1.500	840	900	900	10.329.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	Hải Phòng	31003
133	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y Tế Huyện An Dương	Hải Phòng	31007
134	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	Hải Phòng	31013
135	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	31011
136	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	1.440	810	810	810	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hải An	Hải Phòng	31020

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
137	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm y tế Quận Hồng Bàng	Hải Phòng	31002
138	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.240	2.280	1.260	1.350	1.350	15.568.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	Hải Phòng	31004
139	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	Hải Phòng	31012
140	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.840	500	450	480	410	4.590.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bay	Hậu Giang	93108
141	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.000	1.200	2.100	2.100	600	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
142	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.720	780	990	930	1.020	9.281.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
143	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.640	880	880	910	970	9.081.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
144	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	240	60	60	60	60	598.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
145	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.600	1.650	1.650	1.650	1.650	16.467.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
146	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.575	420	420	420	315	3.929.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
147	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
148	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	0	180	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
149	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.820	2.205	2.205	2.205	2.205	22.005.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	Hồ Chí Minh	79594
150	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.190	540	540	540	570	5.464.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
151	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.150	1.537	1.537	1.538	1.538	15.344.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
152	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	870	870	870	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y Tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
153	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	170	170	170	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh	79042
154	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.090	780	780	780	750	7.709.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
155	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.875	5.437	0	5.438	0	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
156	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	990	1.080	1.380	1.350	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
157	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	405	405	405	405	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
158	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	22.390	5.597	5.597	5.597	5.599	55.863.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
159	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
160	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.920	2.730	2.730	2.730	2.730	27.245.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
161	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.352	1.838	1.838	1.838	1.838	18.343.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
162	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.320	2.580	2.580	2.580	2.580	25.748.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh	79584
163	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	40.020	12.000	10.020	9.000	9.000	99.849.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
164	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	960	240	240	240	240	2.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
165	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	20.500	5.125	5.125	5.125	5.125	51.147.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
166	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656
167	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
168	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.170	2.190	2.250	3.480	2.250	25.374.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
169	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
170	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.358	948	1.260	1.530	1.620	13.368.210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
171	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	91001
172	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.330	1.050	690	780	810	8.308.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	Kiên Giang	91917
173	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.850	230	540	540	540	4.615.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang	91011
174	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang	91002
175	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	91006
176	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	91013
177	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	540	450	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang	91004
178	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.680	1.740	1.860	2.010	2.070	19.161.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang	91101
179	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang	91010
180	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa	56192
181	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	56003
182	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	360	180	180	180	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	20011
183	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên	Lào Cai	10004
184	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10007

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
185	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
186	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.370	1.920	2.040	2.160	2.250	20.883.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001
187	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.120	600	750	870	900	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
188	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	360	270	270	270	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
189	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.680	600	360	360	360	4.191.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	36017
190	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.610	1.800	1.800	1.800	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định	36060
191	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
192	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	37401
193	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình	37501
194	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận	58082
195	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận	58012
196	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.730	3.330	1.800	1.800	1.800	21.781.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	58083
197	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An	40006
198	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	780	330	330	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An	40019
199	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	450	270	270	270	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	Nghệ An	40013
200	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Quý Châu	Nghệ An	40017
201	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	40567
202	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An	40012
203	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Nam Đàn	Nghệ An	40003
204	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.250	1.710	1.980	2.070	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25001
205	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.990	1.140	1.020	930	900	9.955.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
206	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.390	810	810	870	900	8.458.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
207	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phủ Yên	54117
208	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	900	990	990	990	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
209	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.080	1.020	1.020	1.020	1.020	10.179.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
210	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	Quảng Ninh	22020
211	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Quảng Ninh	22007
212	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	0	0	450	450	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	22001
213	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	420	90	150	90	90	1.047.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh	22022
214	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	540	1.080	540	540	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	trung tâm y tế huyện Vân Đồn	Quảng Ninh	22021
215	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	540	0	0	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	22015
216	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	450	900	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	22017
217	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94029
218	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	90	90	0	0	0	224.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	14001
219	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVĐK Bắc Yên	Sơn La	14010
220	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.490	480	600	690	720	6.212.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	14002
221	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	315	405	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La	14005
222	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.670	630	630	690	720	6.661.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La	14006
223	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.400	1.920	2.040	2.190	2.250	20.958.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Tráng Bàng	Tây Ninh	72004
224	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.200	1.440	1.710	1.980	2.070	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
225	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.580	1.080	1.350	1.530	1.620	13.922.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002
226	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	38.820	9.450	9.630	9.840	9.900	96.855.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215
227	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	360	360	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
228	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	270	270	360	360	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
229	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.220	450	540	600	630	5.538.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang	08602
230	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.440	1.440	1.530	1.530	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
231	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.710	960	1.110	1.290	1.350	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	08204
232	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình	34006
233	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HƯNG HÀ	Thái Bình	34008
234	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	34004
235	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
236	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.790	630	720	720	720	6.961.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	34005
237	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.920	570	450	450	450	4.790.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
238	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
239	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	810	900	900	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
240	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.850	720	720	720	690	7.110.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012
241	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	660	450	510	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
242	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	290	0	0	0	290	723.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
243	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	180	0	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
244	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.550	2.790	930	930	900	13.847.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
245	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.175	700	720	855	900	7.921.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
246	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.620	1.080	1.050	1.140	1.350	11.526.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
247	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.570	1.320	0	0	2.250	8.907.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
248	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	26008
249	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái	15101
250	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
251	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	15201

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDA hoặc số GPKN	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
252	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN1-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
253	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN1-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	120	120	120	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
254	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN1-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301
III	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.737.449	440.359	438.397	418.388	440.305	6.115.820.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1			
255	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.900	6.840	7.020	7.020	7.020	98.208.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
256	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	33.180	8.340	8.280	8.280	8.280	116.793.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
257	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	24.360	5.640	5.880	6.360	6.480	85.747.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
258	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	77006
259	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	39.000	9.300	9.600	10.020	10.080	137.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
260	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	8.460	1.980	2.160	2.160	2.160	29.779.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
261	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	06033
262	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	25.200	6.000	6.400	6.400	6.400	88.704.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
263	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	5.470	1.150	1.440	1.440	1.440	19.254.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
264	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.984	720	960	1.152	1.152	14.023.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
265	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.605	4.050	4.185	4.185	4.185	58.449.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
266	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	22.800	5.184	5.616	5.952	6.048	80.256.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
267	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	15.792	3.552	3.936	4.128	4.176	55.587.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
268	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	12.048	2.736	3.024	3.120	3.168	42.408.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
269	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	74066
270	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	10.710	3.600	2.310	2.400	2.400	37.699.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
271	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.380	300	360	360	360	4.857.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	60019
272	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.850	780	690	690	690	10.032.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
273	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.540	1.140	900	780	720	12.460.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Điện Biên	Điện Biên	11011
274	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	180	180	0	0	0	633.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11001
275	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	11060
276	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đồng tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11032
277	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUỐNG NHÉ	Điện Biên	11073
278	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.600	900	900	900	900	12.672.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
279	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	11002
280	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
281	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.580	1.312	756	756	756	12.601.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	Đồng Nai	75022
282	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	22.380	7.860	4.560	4.920	5.040	78.777.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	Đồng Nai	75303
283	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.400	600	600	600	600	8.448.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015
284	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	59.400	14.160	14.640	15.180	15.420	209.088.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
285	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.400	2.400	2.700	3.120	3.180	40.128.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
286	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	8.340	1.980	2.040	2.160	2.160	29.356.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDR hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
287	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.000	13.020	6.840	7.140	0	95.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
288	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.500	1.680	1.320	1.820	1.680	22.880.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
289	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	42.960	14.640	9.300	9.480	9.540	151.219.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
290	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	23.260	8.080	4.760	5.120	5.300	81.875.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
291	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	900	900	0	0	0	3.168.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
292	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	83.340	30.540	16.920	17.880	18.000	293.356.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
293	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.640	2.040	1.920	2.000	1.680	26.892.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
294	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	28.260	3.840	8.000	8.180	8.240	99.475.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
295	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.840	240	1.200	1.200	1.200	13.516.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
296	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	70.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
297	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	240	60	60	60	60	844.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
298	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.850	900	600	600	750	10.032.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
299	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	70.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
300	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.360	3.060	3.300	0	0	22.387.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS(thuộc TTYT Nhà Bè)	Hồ Chí Minh	79585
301	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	15.206.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
302	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.780	445	445	445	445	6.265.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2	Hồ Chí Minh	79408
303	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	37.200	9.300	9.300	9.300	9.300	130.944.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
304	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	38.490	0	19.245	0	19.245	135.484.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDX hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
305	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.800	4.200	4.200	4.200	4.200	59.136.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
306	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.780	945	945	945	945	13.305.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKĐK Galant)	Hồ Chí Minh	79557
307	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.380	6.845	6.845	6.845	6.845	96.377.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
308	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.820	6.000	4.410	4.410	6.000	73.286.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
309	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.340	1.085	1.085	1.085	1.085	15.276.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	79042
310	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.560	4.140	4.140	4.140	4.140	58.291.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
311	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.770	0	20.385	0	20.385	143.510.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
312	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	33.000	7.920	7.440	10.440	7.200	116.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
313	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.920	1.980	1.980	1.980	1.980	27.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
314	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	64.000	16.000	16.000	16.000	16.000	225.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
315	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	62.220	15.300	15.480	15.690	15.750	219.014.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
316	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	28.800	7.200	7.200	7.200	7.200	101.376.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
317	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.652	10.163	10.163	10.163	10.163	143.095.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
318	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	26.460	6.600	6.600	6.600	6.660	93.139.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh	79584
319	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	144.000	36.000	36.000	36.000	36.000	506.880.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
320	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.700	3.000	3.000	3.000	2.700	41.184.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
321	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.828	1.957	1.957	1.957	1.957	27.554.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận Bình Tân - Cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79586
322	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	67.260	16.815	16.815	16.815	16.815	236.755.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
323	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.460	7.320	7.380	7.380	7.380	103.699.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656
324	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.000	10.000	10.000	10.000	10.000	140.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
325	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.720	6.000	6.240	9.480	6.000	97.574.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
326	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	23.490	11.745	0	11.745	0	82.684.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79607
327	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	70.500	17.625	17.625	17.625	17.625	248.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
328	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.310	6.330	7.260	7.860	7.860	103.171.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
329	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.160	540	540	540	540	7.603.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	62001
330	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.700	540	720	720	720	9.504.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152
331	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai	10009
332	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	16.896.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
333	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.900	1.200	900	900	900	13.728.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai	10008
334	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.420	720	900	900	900	12.038.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
335	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	5.580	1.620	1.200	1.380	1.380	19.641.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
336	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.600	1.440	1.620	1.740	1.800	23.232.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
337	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.420	900	720	900	900	12.038.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
338	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận	58004
339	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	38.920	12.460	8.580	8.880	9.000	136.998.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001
340	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	16.896.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
341	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.060	600	720	840	900	10.771.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
342	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
343	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.480	1.440	1.440	1.800	1.800	22.809.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyền Quang	Tuyền Quang	08101
344	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.520	540	540	720	720	8.870.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyền Quang	08501
345	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.440	900	1.080	1.200	1.260	15.628.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyền Quang	08602
346	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.880	2.880	2.880	3.060	3.060	41.817.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyền Quang	08303
347	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	9.420	1.920	2.220	2.580	2.700	33.158.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyền Quang	08204
348	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.440	7.240	6.840	7.560	7.800	103.628.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
349	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.920	2.700	1.500	1.620	2.100	27.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
350	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.640	2.640	4.500	0	4.500	40.972.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
IV	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.215.134	2.119.992	2.035.788	2.046.224	2.013.130	106.312.049.094	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2			
351	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.060	11.880	12.060	12.060	12.060	621.944.460	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
352	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	4.320	4.320	4.320	4.320	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
353	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.360	3.600	4.080	3.840	3.840	198.773.760	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
354	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.720	7.080	5.760	5.940	5.940	319.901.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
355	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.680	7.680				99.386.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
356	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	55.440	12.720	14.040	14.280	14.400	717.449.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079
357	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	60.563.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân	Bạc Liêu	95005
358	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.860	1.440	1.260	1.080	1.080	62.893.260	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
359	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.160	3.480	2.280	2.640	2.760	144.421.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPKN	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
360	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	Bạc Liêu	95006
361	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.100	480	720	360	540	27.176.100	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kan	Bắc Kan	06033
362	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	30.600	7.200	7.380	7.920	8.100	395.994.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	27009
363	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.600	12.000	15.000	15.000	15.600	745.401.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
364	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.640	600	600	720	720	34.164.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVĐKVC Cù Lao Minh	Bến Tre	83600
365	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	1.035.280.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
366	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.310	860	1.150	1.150	1.150	55.775.710	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
367	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.920	288	480	576	576	24.846.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
368	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.060	4.860	5.400	5.400	5.400	272.537.460	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
369	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	52.800	12.288	13.056	13.632	13.824	683.284.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
370	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.816	9.984	10.464	11.136	11.232	554.081.856	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
371	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	23.808	5.472	5.760	6.240	6.336	308.099.328	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
372	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.520	360	720	720	720	32.611.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	74066
373	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.120	960	720	720	720	40.375.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	70001
374	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.000	6.000	6.000	6.000	6.000	310.584.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
375	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	71.760	23.760	15.720	16.080	16.200	928.646.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
376	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.760	600	720	720	720	35.717.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	60019
377	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	38.160	9.000	9.720	9.720	9.720	493.828.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa Khoa quân Thới Nốt	Cần Thơ	92010
378	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	106.320	26.040	26.400	26.880	27.000	1.375.887.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004
379	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.240	1.560	1.560	1.560	1.560	80.751.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92003
380	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.160	2.040	2.040	2.040	2.040	105.598.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Quận Y 121	Cần Thơ	92002
381	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.880	2.880	3.000	3.000	3.000	153.739.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
382	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.040	1.800	1.980	2.100	2.160	104.045.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
383	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.480	3.840	4.560	5.040	5.040	239.149.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
384	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	63.120	15.000	15.600	16.200	16.320	816.835.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
385	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.320	7.440	8.400	6.120	6.360	366.489.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
386	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.080	1.260	1.260	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	64001
387	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	720	180	180	180	180	9.317.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	02011
388	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	720	240	120	240	120	9.317.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
389	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.160	540	540	540	540	27.952.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Xin Mần	Hà Giang	02007
390	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	240	240	240	240	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	02005
391	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.080	4.680	5.400	0	0	130.445.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Giang	Hà Giang	02001
392	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.980	360	540	540	540	25.623.180	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155
393	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.800	4.200	4.200	4.200	4.200	217.408.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
394	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.144	1.296	1.440	1.680	1.728	79.509.504	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	01822
395	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	71.280	23.160	15.780	16.140	16.200	922.434.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Đồng Đa	Hà Nội	01004
396	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.096	1.296	1.440	1.632	1.728	78.888.336	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
397	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	Hà Nội	01831
398	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.040	2.400	2.880	2.880	2.880	142.868.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
399	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	840	840	600	600	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Trầu Quỳ	Hà Nội	01027
400	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.680	6.000	8.280	7.000	7.400	371.147.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
401	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	155.292.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
402	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.840	5.220	3.420	3.600	3.600	204.985.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
403	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.510	15.120	11.130	11.130	11.130	627.767.910	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
404	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.760	1.200	1.320	1.560	1.680	74.540.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	Hà Nội	01066
405	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.960	3.000	3.240	3.360	3.360	167.715.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
406	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	98.400	36.000	20.400	20.400	21.600	1.273.394.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
407	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	331.200	82.080	82.752	83.136	83.232	4.286.059.200	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	31153

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
408	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.120	10.080	10.680	10.680	10.680	545.074.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
409	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.000	2.340	2.340	2.340	1.980	116.469.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
410	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.540	2.160	6.240	6.540	6.600	278.749.140	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
411	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	0	4.920	5.280	3.600	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
412	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.300	900	600	900	900	42.705.300	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
413	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	131.040	32.760	32.760	32.760	32.760	1.695.788.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
414	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	56.160	14.040	14.040	14.040	14.040	726.766.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS(thuộc TTYT Nhà Bè)	Hồ Chí Minh	79585
415	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	34.560	8.640	8.640	8.640	8.640	447.240.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
416	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.120	3.780	3.780	3.780	3.780	195.667.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2	Hồ Chí Minh	79408
417	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	152.160	38.040	38.040	38.040	38.040	1.969.102.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
418	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	232.440	58.110	58.110	58.110	58.110	3.008.006.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Thánh Phô Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
419	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	140.040	35.010	35.010	35.010	35.010	1.812.257.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	Hồ Chí Minh	79594
420	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	113.400	28.320	28.320	28.320	28.440	1.467.509.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức-cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
421	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	2.160	2.160	2.160	2.160	111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKDK Galant)	Hồ Chí Minh	79557
422	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	27.960	6.960	6.960	6.960	7.080	361.830.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh	79042
423	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	68.520	17.160	17.160	17.160	17.040	886.717.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
424	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	183.720	45.930	45.930	45.930	45.930	2.377.520.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y Tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
425	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	211.920	52.980	52.980	52.980	52.980	2.742.456.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
426	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	224.040	56.010	56.010	56.010	56.010	2.899.301.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
427	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	168.000	37.320	36.120	56.760	37.800	2.174.088.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
428	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.960	12.240	12.240	12.240	12.240	633.591.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
429	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	226.680	56.670	56.670	56.670	56.670	2.933.465.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
430	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	248.640	60.120	61.560	63.240	63.720	3.217.650.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
431	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	113.760	28.440	28.440	28.440	28.440	1.472.168.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
432	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	270.600	67.650	67.650	67.650	67.650	3.501.834.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
433	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	76.320	19.080	19.080	19.080	19.080	987.657.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh	79584
434	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	324.240	82.200	81.240	80.520	80.280	4.195.989.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
435	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	120.000	24.960	24.960	42.720	27.360	1.552.920.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
436	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	112.920	28.230	28.230	28.230	28.230	1.461.297.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Quận Bình Tân - Cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79586
437	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	195.840	48.960	48.960	48.960	48.960	2.534.365.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
438	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.600	14.400	14.400	14.400	14.400	745.401.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656
439	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	208.240	51.960	51.960	51.960	52.360	2.694.833.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
440	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	269.280	67.320	67.320	67.320	67.320	3.484.752.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79607
441	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	70.080	15.000	16.200	22.320	16.560	906.905.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
442	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	290.760	72.690	72.690	72.690	72.690	3.762.725.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
443	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
444	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.240	14.040	14.400	14.400	14.400	740.742.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	91001
445	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	6.120	4.320	4.320	4.320	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang	91011
446	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.760	1.440	1.440	1.440	1.440	74.540.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang	91002
447	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.600	5.040	2.520	2.520	2.520	163.056.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	Kiên Giang	91009
448	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.360	4.680	4.560	4.560	4.560	237.596.760	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	Kiên Giang	91007
449	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	20.520	6.360	4.200	4.920	5.040	265.549.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	91006
450	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.440	3.240	2.160	2.520	2.520	135.104.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	91013
451	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	5.040	3.720	4.200	4.320	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang	91004
452	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	44.520	9.360	10.560	12.000	12.600	576.133.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang	91101
453	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.200	300	300	300	300	15.529.200	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	12001
454	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	35.400	13.800	7.200	7.200	7.200	458.111.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cao Lặc	Lạng Sơn	20011

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
455	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.600	900	900	900	900	46.587.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
456	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.840	1.440	1.800	1.800	1.800	88.516.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
457	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	3.240	3.240	3.720	3.600	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
458	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.720	2.160	2.520	2.640	2.400	125.786.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
459	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.320	4.080	4.080	4.080	4.080	211.197.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hậu Nghĩa	Long An	80007
460	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.120	1.200	1.440	1.680	1.800	79.198.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	Long An	80013
461	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	27.120	5.760	6.960	7.200	7.200	350.959.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001
462	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.480	4.560	4.560	4.680	4.680	239.149.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
463	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.720	2.640	3.000	3.480	3.600	164.609.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	Long An	80006
464	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.880	1.560	1.200	1.560	1.560	76.093.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
465	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.240	1.560	1.560	1.560	1.560	80.751.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
466	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.480	3.000	2.160	2.160	2.160	122.680.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	36017
467	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.400	3.000	1.800	1.800	1.800	108.704.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Nam Định	36001
468	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	41.520	13.560	9.240	9.360	9.360	537.310.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định	36060
469	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.080	4.440	2.880	2.880	2.880	169.268.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	Nam Định	36028
470	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.560	6.600	4.320	4.320	4.320	253.125.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	Nam Định	36022
471	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	6.480	3.600	3.600	3.600	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	Ninh Bình	37701
472	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	56.520	17.460	11.640	13.380	14.040	731.425.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
473	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.520	3.120	1.800	1.800	1.800	110.257.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình	37501
474	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	142.800	34.800	36.000	36.000	36.000	1.847.974.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001
475	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.600	900	900	900	900	46.587.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	Nghệ An	40014
476	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.520	880	880	1.880	1.880	71.434.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
477	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.976	1.152	1.440	1.656	1.728	77.335.416	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25044
478	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	840	900	1.020	1.080	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
479	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.700	540	720	720	720	34.940.700	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
480	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.000	6.000	6.000	6.000	6.000	310.584.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
481	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	386.400	95.400	96.720	97.080	97.200	5.000.402.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	22001
482	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.120	5.520	6.000	6.240	6.360	312.136.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	22027
483	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.560	1.560	1.800	2.040	2.160	97.833.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
484	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.860	1.080	1.260	1.260	1.260	62.893.260	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	45092
485	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	78.720	29.520	16.200	16.440	16.560	1.018.715.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94001
486	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.880	1.800	2.160	2.400	2.520	114.916.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94029
487	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	4.320	4.680	5.040	5.040	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	Sóc Trăng	94002
488	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.720	2.160	2.520	2.520	2.520	125.786.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu	Sóc Trăng	94007
489	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	37.440	9.000	9.000	9.720	9.720	484.511.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	14001
490	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	720	1.080	1.080	1.080	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVĐK Bắc Yên	Sơn La	14010
491	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	79.680	18.480	19.680	20.640	20.880	1.031.138.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	14002
492	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.040	1.080	1.080	1.440	1.440	65.222.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La	Sơn La	14009
493	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.104	1.836	2.556	2.796	2.916	130.755.864	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Yên	Sơn La	14004
494	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.440	3.840	3.960	4.320	4.320	212.750.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nai	Sơn La	14008
495	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	5.760	4.080	4.560	4.680	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã	Sơn La	14007
496	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	720	720	720	720	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Sốp Cộp	Sơn La	14015
497	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.560	5.880	7.080	7.680	7.920	369.594.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thào Nguyên huyện Mộc Châu	Sơn La	14011
498	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	55.680	10.980	13.320	15.360	16.020	720.554.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La	14005
499	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.000	3.000	3.480	4.200	4.320	194.115.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La	14006
500	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	69.480	34.740	34.740			899.140.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TÂY NINH	Tây Ninh	72010
501	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.160	3.480	2.280	2.640	2.760	144.421.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
502	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	2.640	1.680	2.160	2.160	111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
503	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	52.800	12.960	13.320	13.200	13.320	683.284.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215
504	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.920	3.960	3.960			102.492.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyền Quang	Tuyền Quang	08101
505	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.240	1.440	1.800			41.928.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyền Quang	08501
506	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.800		2.160		51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyền Quang	08401
507	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.200			3.600	3.600	93.175.200	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyền Quang	08303
508	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.320	2.880	0	1.440	0	55.905.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Hưng	Thái Bình	34006
509	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.240	1.080	720	720	720	41.928.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
510	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	3.600	2.520	2.520		111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
511	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.040	5.040	0	0	0	65.222.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
512	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.760	5.280	6.480	0	0	152.186.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
513	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	51.600	12.000	12.720	13.320	13.560	667.755.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012
514	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.000	840	720	720	720	38.823.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
515	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	Thái Nguyên	19003
516	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.400	3.360	1.680	1.680	1.680	108.704.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	19007
517	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.120	1.080	600	720	720	40.375.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	19004
518	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	19005
519	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	14.760	1.080	4.320	4.680	4.680	191.009.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
520	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	23.280	9.240	4.680	4.680	4.680	301.266.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	19008
521	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	38180
522	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	360	240	240	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	38210
523	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.680	600	480	360	240	21.740.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Như Thanh	Thanh Hóa	38250
524	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	1.080	600	600	600	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	Thanh Hóa	38220
525	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	960	960	960	960	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Thanh Hóa	38090
526	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	Thanh Hóa	38040



STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
527	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.080	360	240	240	240	13.976.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	38280
528	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	360	240	240	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	Thanh Hóa	38030
529	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.320	600	240	240	240	17.082.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	38050
530	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	480	240	120	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	Thanh Hóa	38190
531	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	38080
532	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	Thanh Hóa	38160
533	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	38200
534	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.280	840	480	480	480	29.505.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	38070
535	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	38230
536	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.600	5.160	5.400	5.520	5.520	279.525.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	38010
537	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa thị xã Bìn Sơn	Thanh Hóa	38020
538	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.440	360	360	360	360	18.635.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân Thanh Hóa	Thanh Hóa	38120
539	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.000	18.000	12.000	6.000	6.000	543.522.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa	Thanh Hóa	38741
540	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.400	1.200	600	600	0	31.058.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
541	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.920	3.960	1.320	1.320	1.320	102.492.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
542	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	240	240	240	240	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	84007
543	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	14.760	3.360	3.600	3.840	3.960	191.009.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	84001
544	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.440	360	360	360	360	18.635.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	Trà Vinh	84004
545	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	960	960	960	960	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	Trà Vinh	84006
546	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	Trà Vinh	84002
547	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.560	960	1.200	1.200	1.200	59.010.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Trà Vinh	84003
548	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.400	600	600	600	600	31.058.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	84008
549	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	67.080	17.460	15.780	16.740	17.100	868.082.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001



STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
550	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	4.200	3.120	3.240	3.240	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thành phố Vinh Yên	Vinh Phúc	26008
551	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.920	0	6.960	0	6.960	180.138.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
552	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.080	1.080	1.080	720	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	15501
553	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.970	3.000	3.000	3.000	2.970	154.903.770	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
554	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.000	4.000	2.000	2.000	2.000	129.410.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
555	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	60.563.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	15401
556	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.260	900	900	900	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301
V	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.717.354	965.798	866.538	939.062	945.956	36.058.333.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1			
557	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.960	3.240	3.240	3.240	3.240	125.712.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Sản Nhi	An Giang	89185
558	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	93.600	23.400	23.400	23.400	23.400	907.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang	89004
559	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	285.480	70.200	70.920	72.000	72.360	2.769.156.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	89012
560	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	119.472	29.448	29.808	30.048	30.168	1.158.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	An Giang	89006
561	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.060	11.880	12.060	12.060	12.060	466.182.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
562	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.180	4.300	3.960	3.960	3.960	156.946.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
563	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	18.120	4.320	4.200	4.800	4.800	175.764.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
564	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.720	7.080	5.760	5.940	5.940	239.784.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
565	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.360		5.120	5.120	5.120	148.992.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
566	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	55.440	12.720	14.040	14.280	14.400	537.768.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079
567	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	0	1.080	1.260	1.260	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
568	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.800	3.480	2.160	2.520	2.640	104.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004
569	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.160	2.520	2.880	2.880	2.880	108.252.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24011
570	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.720	8.640	9.360	9.360	9.360	356.184.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24280
571	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.860	240	360	720	540	18.042.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	06033
572	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.600	7.200	7.380	7.920	8.100	296.820.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	27009

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPVK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
573	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	59.040	12.000	15.000	15.960	16.080	572.688.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
574	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.280	1.200	1.200	1.440	1.440	51.216.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BVĐKKV Cù Lao Minh	Bến Tre	83600
575	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	27.160	6.040	6.520	7.240	7.360	263.452.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
576	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.090	220	290	290	290	10.573.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
577	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	72	120	144	144	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
578	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.020	1.620	1.800	1.800	1.800	68.094.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
579	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.200	3.072	3.264	3.408	3.456	128.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Di An	Bình Dương	74028
580	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.704	2.496	2.616	2.784	2.808	103.828.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
581	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.952	1.368	1.440	1.560	1.584	57.734.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
582	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.960	720	1.080	1.080	1.080	38.412.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	52001
583	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.240	960	840	720	720	31.428.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	70001
584	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.440	2.040	1.560	1.920	1.920	72.168.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
585	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	38.760	9.120	9.600	9.960	10.080	375.972.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau	96002
586	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	39.240	9.360	9.720	10.080	10.080	380.628.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau	96001
587	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.840	2.880	2.880	3.480	3.600	124.548.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	Cà Mau	96014
588	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	43.920	10.800	10.800	11.160	11.160	426.024.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	04014
589	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.000	9.000	9.000	9.000	9.000	349.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa quân Thốt Nốt	Cần Thơ	92010
590	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	106.080	25.920	26.400	26.760	27.000	1.028.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004
591	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.720	930	930	930	930	36.084.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92003
592	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.680	1.920	1.920	1.920	1.920	74.496.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quận Y 121	Cần Thơ	92002
593	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.880	2.880	3.000	3.000	3.000	115.236.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
594	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.040	1.800	1.980	2.100	2.160	77.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
595	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.600	2.880	3.240	3.240	3.240	122.220.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	67093
596	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.760	1.440	1.440	1.440	1.440	55.872.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông	67011

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
597	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil	Đắk Nông	67012
598	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	67014
599	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	Đắk Nông	67074
600	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glông	Đắk Nông	67001
601	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.080	5.040	5.520	5.760	5.760	214.176.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Điện Biên	Điện Biên	11011
602	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.900	1.740	720	720	720	37.830.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11001
603	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	11060
604	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.080	2.520	2.520	2.520	2.520	97.776.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Điện Biên	11102
605	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11032
606	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG NHÉ	Điện Biên	11073
607	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	960	0	240	360	360	9.312.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	Điện Biên	11061
608	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.400	3.600	3.600	3.600	3.600	139.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
609	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
610	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.640	2.520	1.800	2.160	2.160	83.808.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai	75234
611	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.320	4.200	2.760	3.120	3.240	129.204.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	Đồng Nai	75001
612	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	28.922	11.156	5.922	5.922	5.922	280.543.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	Đồng Nai	75022
613	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	135.000	54.000	27.000	27.000	27.000	1.309.500.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	75308
614	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.240	17.520	9.840	10.440	10.440	467.928.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Long Thành	Đồng Nai	75299
615	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	2.880	1.800	1.800	1.800	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	75013
616	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	69.000	24.240	14.040	15.240	15.480	669.300.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	Đồng Nai	75303
617	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	28.200	6.000	7.200	7.440	7.560	273.540.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015
618	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	27.840	6.600	7.080	7.080	7.080	270.048.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
619	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.000	9.000	9.000	12.000	12.000	407.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
620	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.080	1.260	1.260	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	64001
621	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	180	180	180	180	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng văn	Hà Giang	02011
622	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	240	120	240	120	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
623	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.160	540	540	540	540	20.952.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Xin Mần	Hà Giang	02007
624	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	120	120	120	120	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	02005
625	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.400	0	0	5.640	5.760	110.580.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Giang	Hà Giang	02001
626	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.980	360	540	540	540	19.206.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155
627	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.000	7.500	7.500	7.500	7.500	291.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
628	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.216	1.944	2.160	2.520	2.592	89.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	01822
629	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	71.280	23.160	15.780	16.140	16.200	691.416.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Hà Nội	01004
630	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.144	1.944	2.160	2.448	2.592	88.696.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
631	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.540	1.560	1.560	1.560	1.860	63.438.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	Hà Nội	01831
632	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.160	3.360	3.600	3.600	3.600	137.352.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
633	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.400	1.920	2.160	2.160	2.160	81.480.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	01016
634	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.960	2.040	1.800	1.560	1.560	67.512.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ	Hà Nội	01027
635	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.480	2.160	1.440	1.440	1.440	62.856.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bùn -	Hà Nội	01059
636	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.720	5.000	6.040	7.000	6.680	239.784.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
637	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.320	2.760	2.040	2.760	2.760	100.104.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
638	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.840	5.220	3.420	3.600	3.600	153.648.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
639	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.510	15.120	11.130	11.130	11.130	470.547.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
640	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.760	1.200	1.320	1.560	1.680	55.872.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	Hà Nội	01066
641	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.320	2.880	3.240	3.600	3.600	129.204.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội	01074
642	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.200	3.120	3.240	3.360	3.480	128.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
643	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	68.280	25.080	13.440	15.360	14.400	662.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SBK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
644	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	82.800	20.520	20.688	20.784	20.808	803.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	31153
645	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.440	2.520	2.640	2.640	2.640	101.268.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
646	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.000	2.340	2.340	2.340	1.980	87.300.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
647	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	21.660	2.160	6.240	6.540	6.720	210.102.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
648	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	23.880	6.480	4.920	5.280	7.200	231.636.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
649	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.220	660	480	540	540	21.534.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
650	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	51.840	12.960	12.960	12.960	12.960	502.848.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
651	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.480	5.400	8.160	8.400	8.520	295.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
652	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152
653	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	32.400	12.960	6.480	6.480	6.480	314.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất - CDC	Khánh Hòa	KCBCDC
654	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa	56192
655	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.200	2.880	1.440	1.440	1.440	69.840.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	56003
656	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	23.400	7.920	4.800	5.280	5.400	226.980.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	Lai Châu	12143
657	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện phong Thổ	Lai Châu	12013
658	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên	Lai Châu	12101
659	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.920	3.840	2.160	2.400	2.520	105.924.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Than Uyên	Lai Châu	12016
660	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.640	1.440	1.200	1.800	1.200	54.708.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	12001
661	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.480	10.920	6.000	6.720	6.840	295.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cao Lỗ	Lạng Sơn	20011
662	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	39.600	9.900	9.900	9.900	9.900	384.120.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
663	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.840	1.440	1.800	1.800	1.800	66.348.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
664	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.520	3.240	3.600	3.720	3.960	140.844.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
665	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.320	2.160	2.520	2.640	3.000	100.104.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
666	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.080	5.520	5.520	5.520	5.520	214.176.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hậu Nghĩa	Long An	80007
667	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.880	1.800	2.040	2.520	2.520	86.136.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	Long An	80013

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
668	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.360	8.400	8.760	9.480	9.720	352.692.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001
669	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.600	6.120	6.120	6.120	6.240	238.620.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
670	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	18.960	3.960	4.440	5.160	5.400	183.912.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cần Đuộc	Long An	80006
671	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.800	2.040	1.680	2.040	2.040	75.660.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
672	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.160	2.040	2.040	2.040	2.040	79.152.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
673	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360	2.880	2.160	2.160	2.160	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	Ninh Bình	37701
674	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	56.520	17.460	11.640	13.380	14.040	548.244.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
675	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	37401
676	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	1.440	720	720	720	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	Ninh Bình	37201
677	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.120	960	720	720	720	30.264.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Yên Mô	Ninh Bình	37601
678	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	1.440	720	720	720	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước	Ninh Thuận	58002
679	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận	58012
680	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	58083
681	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.200	2.880	1.440	1.440	1.440	69.840.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	Nghệ An	40011
682	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.480	8.640	9.480	11.760	12.600	412.056.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001
683	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.080	720	840	1.440	1.080	39.576.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	40005
684	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	900	900	900	900	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	Nghệ An	40014
685	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.960	2.760	2.160	2.520	2.520	96.612.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25001
686	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.000	2.000	2.000	1.000	1.000	58.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
687	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.944	2.688	3.360	3.864	4.032	135.256.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25044
688	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.840	840	900	1.020	1.080	37.248.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010
689	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.120	4.320	3.600	3.600	3.600	146.664.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phù Yên	54117

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
690	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.700	540	720	720	720	26.190.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
691	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	21.360	4.800	5.520	5.520	5.520	207.192.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
692	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	45.720	8.760	17.280	9.600	10.080	443.484.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	22030
693	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.240	3.720	3.960	3.840	3.720	147.828.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	22027
694	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.800	1.560	1.920	2.160	2.160	75.660.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
695	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.860	1.080	1.260	1.260	1.260	47.142.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	45092
696	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.960	3.240	3.240	3.240	3.240	125.712.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Sóc Trăng	Sóc Trăng	94030
697	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	69.480			34.740	34.740	673.956.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TÂY NINH	Tây Ninh	72010
698	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	1.800	2.160	2.160	2.160	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
699	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.680	5.400	5.760	5.760	5.760	219.996.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	Tây Ninh	72003
700	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	26.640	6.120	6.840	6.840	6.840	258.408.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	Tây Ninh	72002
701	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.920	3.960	4.320	4.320	4.320	164.124.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	Tây Ninh	72004
702	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.800	3.360	2.160	2.640	2.640	104.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
703	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.640	2.640	1.800	2.040	2.160	83.808.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002
704	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	52.920	12.960	13.320	13.320	13.320	513.324.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215
705	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360			4.680	4.680	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
706	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600			1.800	1.800	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501
707	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320		2.160		2.160	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	08401
708	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang	08602
709	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.240	3.000	3.240			60.528.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
710	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.350	540	270	270	270	13.095.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi tỉnh	Thái Bình	34321
711	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	0	1.440	0	1.440	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình	34006
712	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360	1.800	2.520	2.520	2.520	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HƯNG HÀ	Thái Bình	34008

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
713	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.160	2.520	2.880	2.880	2.880	108.252.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	34004
714	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.080	1.440	1.440	1.440	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
715	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.720	2.160	2.520	2.520	2.520	94.284.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	34005
716	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	1.800	2.160	2.160	2.160	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	Thái Bình	34001
717	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520				2.520	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
718	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.560	0	2.520	2.520	2.520	73.332.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
719	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.160	0	0	6.960	7.200	137.352.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
720	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	47.880	11.880	12.000	12.000	12.000	464.436.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012
721	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.560	1.320	1.080	1.080	1.080	44.232.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
722	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	900	360	180	180	180	8.730.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	Thái Nguyên	19003
723	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.000	2.400	1.200	1.200	1.200	58.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	19007
724	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.560	2.520	1.560	1.680	1.800	73.332.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	19004
725	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	19005
726	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.760	1.080	4.320	4.680	4.680	143.172.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
727	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	34.320	13.800	6.840	6.840	6.840	332.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	19008
728	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	38180
729	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	38210
730	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.920	720	480	360	360	18.624.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Như Thanh	Thanh Hóa	38250
731	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320	1.620	900	900	900	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	Thanh Hóa	38220
732	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.680	1.920	1.920	1.920	1.920	74.496.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Thanh Hóa	38090
733	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	Thanh Hóa	38040
734	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	240	240	120	120	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	38280
735	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	Thanh Hóa	38030
736	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.280	840	480	480	480	22.116.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	38050

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
737	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Hoảng Hóa	Thanh Hóa	38190
738	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	900	360	180	180	180	8.730.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	38080
739	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Công	Thanh Hóa	38160
740	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	38200
741	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.120	1.320	600	600	600	30.264.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	38070
742	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	38230
743	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.760	3.480	3.600	3.840	3.840	143.172.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	38010
744	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thị xã Bìn Sơn	Thanh Hóa	38020
745	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân Thanh Hóa	Thanh Hóa	38120
746	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.200	18.000	12.000	6.000	6.200	409.340.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa	Thanh Hóa	38741
747	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.800	2.400	1.200	1.200	0	46.560.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
748	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.400	7.200	2.400	2.400	2.400	139.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
749	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	120	120	120	120	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	84007
750	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.680	3.240	3.240	3.600	3.600	132.696.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	84001
751	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	Trà Vinh	84004
752	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.440	840	1.200	1.200	1.200	43.068.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	Trà Vinh	84006
753	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.920	960	1.320	1.320	1.320	47.724.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	Trà Vinh	84002
754	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.800	840	1.320	1.320	1.320	46.560.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Trà Vinh	84003
755	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.920	480	480	480	480	18.624.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	84008
756	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	67.080	17.460	15.780	16.740	17.100	650.676.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
757	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.320	5.580	5.580	5.580	5.580	216.504.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực nghĩa lộ	Yên Bái	15901
758	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.560	7.080	0	6.480	0	131.532.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
759	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.840	3.960	3.960	3.960	3.960	153.648.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	15201

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
760	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.040	1.260	1.260	1.260	1.260	48.888.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	15501
761	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.970	3.000	3.000	3.000	2.970	116.109.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
762	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Trạm Tấu	Yên Bái	15801
763	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.460	6.080	3.040	3.040	4.300	159.662.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
764	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	45.396.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	15401
765	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.960	1.260	900	900	900	38.412.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHỤ LỤC III: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTMS ngày / /2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
1	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi	An Giang	89185
2	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.960	3.240	3.240	3.240	3.240	125.712.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Sản Nhi	An Giang	89185
3	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang	89004
4	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	93.600	23.400	23.400	23.400	23.400	907.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang	89004
5	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	89012
6	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	285.480	70.200	70.920	72.000	72.360	2.769.156.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	89012
7	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.240	810	810	810	810	8.083.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện An Phú	An Giang	89003
8	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.700	4.050	2.340	2.610	2.700	29.191.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Châu Phú	An Giang	89008
9	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.520	3.870	2.340	2.610	2.700	28.742.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	An Giang	89005
10	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.930	3.900	3.960	4.020	4.050	39.745.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	An Giang	89006
11	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	119.472	29.448	29.808	30.048	30.168	1.158.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	An Giang	89006
12	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	3.000	1.740	1.920	1.980	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	An Giang	89009
13	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.750	1.170	4.740	4.890	4.950	39.296.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế thành Phố Long Xuyên	An Giang	89001
14	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.900	1.620	1.710	1.770	1.800	17.215.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Thành Phố Châu Đốc	An Giang	89002
15	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
16	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.900	6.840	7.020	7.020	7.020	98.208.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
17	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.060	11.880	12.060	12.060	12.060	621.944.460	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003

(Chữ ký)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
18	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.060	11.880	12.060	12.060	12.060	466.182.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	77003
19	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.670	3.680	3.330	3.330	3.330	34.106.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
20	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	33.180	8.340	8.280	8.280	8.280	116.793.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
21	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	4.320	4.320	4.320	4.320	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
22	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.180	4.300	3.960	3.960	3.960	156.946.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	77001
23	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.880	1.290	1.410	1.560	1.620	14.670.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
24	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	24.360	5.640	5.880	6.360	6.480	85.747.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
25	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.360	3.600	4.080	3.840	3.840	198.773.760	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
26	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	18.120	4.320	4.200	4.800	4.800	175.764.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	77005
27	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	77006
28	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	77006
29	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.920	3.840	3.270	3.390	3.420	34.730.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
30	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	39.000	9.300	9.600	10.020	10.080	137.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
31	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.720	7.080	5.760	5.940	5.940	319.901.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
32	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.720	7.080	5.760	5.940	5.940	239.784.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu	77004
33	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
34	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	8.460	1.980	2.160	2.160	2.160	29.779.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
35	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.680	7.680				99.386.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
36	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.360		5.120	5.120	5.120	148.992.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	77007
37	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	9.720	2.640	2.130	2.430	2.520	24.251.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079
38	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	55.440	12.720	14.040	14.280	14.400	717.449.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
39	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	55.440	12.720	14.040	14.280	14.400	537.768.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu	95079
40	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	60.563.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân	Bạc Liêu	95005
41	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
42	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.860	1.440	1.260	1.080	1.080	62.893.260	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
43	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	0	1.080	1.260	1.260	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	95033
44	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	180	270	360	360	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004
45	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.160	3.480	2.280	2.640	2.760	144.421.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004
46	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.800	3.480	2.160	2.520	2.640	104.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu	95004
47	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	Bạc Liêu	95006
48	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24011
49	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.160	2.520	2.880	2.880	2.880	108.252.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24011
50	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.630	1.500	1.590	1.740	1.800	16.541.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24280
51	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.720	8.640	9.360	9.360	9.360	356.184.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	24280
52	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Bắc Giang	24008
53	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	06033
54	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.100	480	720	360	540	27.176.100	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	06033
55	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.860	240	360	720	540	18.042.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	06033
56	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	30.600	7.200	7.380	7.920	8.100	395.994.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	27009
57	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.600	7.200	7.380	7.920	8.100	296.820.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	27009
58	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre	83100
59	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
60	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.200	3.300	3.300	3.300	3.300	32.934.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
61	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.600	12.000	15.000	15.000	15.600	745.401.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
62	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	59.040	12.000	15.000	15.960	16.080	572.688.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	83009
63	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVDKKV Củ Lao Minh	Bến Tre	83600
64	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.640	600	600	720	720	34.164.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVDKKV Củ Lao Minh	Bến Tre	83600
65	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.280	1.200	1.200	1.440	1.440	51.216.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BVDKKV Củ Lao Minh	Bến Tre	83600
66	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.940	600	780	780	780	7.335.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
67	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
68	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	25.200	6.000	6.400	6.400	6.400	88.704.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
69	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	1.035.280.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
70	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	27.160	6.040	6.520	7.240	7.360	263.452.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	74001
71	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	500	110	130	130	130	1.247.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
72	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.930	430	500	500	500	4.815.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
73	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	5.470	1.150	1.440	1.440	1.440	19.254.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
74	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.310	860	1.150	1.150	1.150	55.775.710	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
75	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.090	220	290	290	290	10.573.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương	74102
76	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	378	72	90	108	108	943.110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
77	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.512	288	360	432	432	3.772.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
78	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.984	720	960	1.152	1.152	14.023.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
79	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.920	288	480	576	576	24.846.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
80	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	72	120	144	144	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương	74089
81	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
82	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
83	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.605	4.050	4.185	4.185	4.185	58.449.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
84	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.060	4.860	5.400	5.400	5.400	272.537.460	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
85	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.020	1.620	1.800	1.800	1.800	68.094.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương	74008
86	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.074	240	264	282	288	2.679.630	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
87	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.296	960	1.056	1.128	1.152	10.718.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
88	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	22.800	5.184	5.616	5.952	6.048	80.256.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
89	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	52.800	12.288	13.056	13.632	13.824	683.284.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
90	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.200	3.072	3.264	3.408	3.456	128.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương	74028
91	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.350	270	360	360	360	3.368.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
92	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	15.792	3.552	3.936	4.128	4.176	55.587.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
93	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.816	9.984	10.464	11.136	11.232	554.081.856	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
94	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.704	2.496	2.616	2.784	2.808	103.828.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương	74039
95	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	144	162	162	162	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
96	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.520	576	648	648	648	6.287.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
97	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	12.048	2.736	3.024	3.120	3.168	42.408.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
98	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	23.808	5.472	5.760	6.240	6.336	308.099.328	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
99	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.952	1.368	1.440	1.560	1.584	57.734.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương	74050
100	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	74066
101	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.520	360	720	720	720	32.611.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	74066
102	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.960	720	1.080	1.080	1.080	38.412.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	52001
103	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.120	960	720	720	720	40.375.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	70001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
104	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.240	960	840	720	720	31.428.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	70001
105	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.454	4.176	5.946	6.576	6.756	58.517.730	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
106	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.000	6.000	6.000	6.000	6.000	310.584.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
107	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.440	2.040	1.560	1.920	1.920	72.168.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước	70008
108	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.110	300	270	270	270	2.769.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
109	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	10.710	3.600	2.310	2.400	2.400	37.699.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
110	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	71.760	23.760	15.720	16.080	16.200	928.646.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	60167
111	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.380	300	360	360	360	4.857.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	60019
112	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.760	600	720	720	720	35.717.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	60019
113	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.420	810	810	900	900	8.532.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau	96002
114	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	38.760	9.120	9.600	9.960	10.080	375.972.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau	96002
115	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau	96001
116	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	39.240	9.360	9.720	10.080	10.080	380.628.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau	96001
117	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.840	2.880	2.880	3.480	3.600	124.548.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	Cà Mau	96014
118	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	540	420	90	30	0	1.347.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	04014
119	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	43.920	10.800	10.800	11.160	11.160	426.024.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	04014
120	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	Cần Thơ	92007
121	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	16.200	4.050	4.050	4.050	4.050	40.419.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa quân Thốt Nốt	Cần Thơ	92010
122	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	38.160	9.000	9.720	9.720	9.720	493.828.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa Khoa quân Thốt Nốt	Cần Thơ	92010
123	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.000	9.000	9.000	9.000	9.000	349.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa quân Thốt Nốt	Cần Thơ	92010
124	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	14.010	3.510	3.510	3.510	3.480	34.954.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004
125	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	106.320	26.040	26.400	26.880	27.000	1.375.887.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
126	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	106.080	25.920	26.400	26.760	27.000	1.028.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92004
127	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.240	1.560	1.560	1.560	1.560	80.751.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92003
128	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.720	930	930	930	930	36.084.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	92003
129	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ	92002
130	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.160	2.040	2.040	2.040	2.040	105.598.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ	92002
131	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.680	1.920	1.920	1.920	1.920	74.496.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ	92002
132	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	Cần Thơ	92005
133	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	120	540	540	540	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	Cần Thơ	92006
134	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.160	2.430	2.700	2.970	3.060	27.844.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
135	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.880	2.880	3.000	3.000	3.000	153.739.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
136	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.880	2.880	3.000	3.000	3.000	115.236.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	48013
137	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
138	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	150	60	60	60	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
139	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.850	780	690	690	690	10.032.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
140	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.040	1.800	1.980	2.100	2.160	104.045.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
141	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.040	1.800	1.980	2.100	2.160	77.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk	66242
142	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	390	450	450	450	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	67093
143	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.600	2.880	3.240	3.240	3.240	122.220.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	67093
144	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.980	450	450	540	540	4.940.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông	67011
145	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.760	1.440	1.440	1.440	1.440	55.872.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông	67011
146	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	150	180	180	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mĩ	Đắk Nông	67012
147	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mĩ	Đắk Nông	67012

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
148	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk P'á	Đắk Nông	67014
149	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	67014
150	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	Đắk Nông	67074
151	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glông	Đắk Nông	67001
152	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.540	1.140	900	780	720	12.460.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Điện Biên	Điện Biên	11011
153	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.080	5.040	5.520	5.760	5.760	214.176.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Điện Biên	Điện Biên	11011
154	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	180	180	0	0	0	633.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11001
155	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.900	1.740	720	720	720	37.830.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11001
156	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	11060
157	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Tủa Chùa	Điện Biên	11060
158	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.080	2.520	2.520	2.520	2.520	97.776.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Điện Biên	11102
159	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11032
160	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	Điện Biên	11032
161	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUỐNG NHÉ	Điện Biên	11073
162	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUỐNG NHÉ	Điện Biên	11073
163	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	960	0	240	360	360	9.312.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	Điện Biên	11061
164	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
165	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.600	900	900	900	900	12.672.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
166	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.400	3.600	3.600	3.600	3.600	139.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên	11080
167	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	60	90	90	90	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	11002

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
168	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	11002
169	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
170	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
171	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520	360	720	720	720	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên	11045
172	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai	75234
173	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.640	2.520	1.800	2.160	2.160	83.808.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai	75234
174	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.320	4.200	2.760	3.120	3.240	129.204.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	Đồng Nai	75001
175	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.580	1.312	756	756	756	12.601.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	Đồng Nai	75022
176	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	28.922	11.156	5.922	5.922	5.922	280.543.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	Đồng Nai	75022
177	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	135.000	54.000	27.000	27.000	27.000	1.309.500.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	75308
178	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.240	17.520	9.840	10.440	10.440	467.928.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Long Thành	Đồng Nai	75299
179	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	2.880	1.800	1.800	1.800	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	75013
180	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	22.380	7.860	4.560	4.920	5.040	78.777.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	Đồng Nai	75303
181	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	69.000	24.240	14.040	15.240	15.480	669.300.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	Đồng Nai	75303
182	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.400	600	600	600	600	8.448.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015
183	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.480	3.840	4.560	5.040	5.040	239.149.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015
184	A04.N2	Lopinunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	28.200	6.000	7.200	7.440	7.560	273.540.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	87015
185	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	15.110	3.650	3.750	3.840	3.870	37.699.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
186	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	35.380	8.500	8.760	9.030	9.090	88.273.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
187	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	59.400	14.160	14.640	15.180	15.420	209.088.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
188	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	63.120	15.000	15.600	16.200	16.320	816.835.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
189	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	27.840	6.600	7.080	7.080	7.080	270.048.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	87012
190	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.540	2.310	1.350	1.440	1.440	16.317.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
191	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.400	2.400	2.700	3.120	3.180	40.128.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
192	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.320	7.440	8.400	6.120	6.360	366.489.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
193	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.000	9.000	9.000	12.000	12.000	407.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	87014
194	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.080	1.260	1.260	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	64001
195	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.080	1.260	1.260	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	64001
196	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	720	180	180	180	180	9.317.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	02011
197	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	180	180	180	180	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	02011
198	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
199	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	720	240	120	240	120	9.317.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
200	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	240	120	240	120	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	02013
201	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.160	540	540	540	540	27.952.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Xin Mần	Hà Giang	02007
202	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.160	540	540	540	540	20.952.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Xin Mần	Hà Giang	02007
203	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	240	240	240	240	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	02005
204	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	120	120	120	120	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	02005
205	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.080	4.680	5.400	0	0	130.445.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Giang	Hà Giang	02001
206	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.400	0	0	5.640	5.760	110.580.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Giang	Hà Giang	02001
207	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155
208	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.980	360	540	540	540	25.623.180	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155
209	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.980	360	540	540	540	19.206.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam	35155

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
210	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân	Hà Nam	35064
211	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Liêm	Hà Nam	35022
212	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	2.610	1.800	2.070	2.160	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
213	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.800	4.200	4.200	4.200	4.200	217.408.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
214	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.000	7.500	7.500	7.500	7.500	291.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội	01924
215	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.144	1.296	1.440	1.680	1.728	79.509.504	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	01822
216	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.216	1.944	2.160	2.520	2.592	89.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	01822
217	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.825	4.185	2.880	2.880	2.880	31.998.375	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đông Đa	Hà Nội	01004
218	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	71.280	23.160	15.780	16.140	16.200	922.434.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Đông Đa	Hà Nội	01004
219	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	71.280	23.160	15.780	16.140	16.200	691.416.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh viện đa khoa Đông Đa	Hà Nội	01004
220	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
221	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.096	1.296	1.440	1.632	1.728	78.888.336	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
222	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.144	1.944	2.160	2.448	2.592	88.696.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	01816
223	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	Hà Nội	01831
224	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.540	1.560	1.560	1.560	1.860	63.438.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	Hà Nội	01831
225	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	810	630	630	630	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Hà Nội	01817
226	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.610	630	630	600	750	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
227	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.610	630	630	750	600	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
228	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	8.340	1.980	2.040	2.160	2.160	29.356.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
229	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.040	2.400	2.880	2.880	2.880	142.868.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
230	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.160	3.360	3.600	3.600	3.600	137.352.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	01903
231	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.400	1.920	2.160	2.160	2.160	81.480.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCL	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	01016

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
232	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.030	1.440	1.530	1.530	1.530	15.044.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Mai Hương	Hà Nội	01070
233	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.230	270	270	330	360	3.068.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trầu Quỳ	Hà Nội	01027
234	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	840	840	600	600	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Trầu Quỳ	Hà Nội	01027
235	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.960	2.040	1.800	1.560	1.560	67.512.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trầu Quỳ	Hà Nội	01027
236	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.150	1.260	630	630	630	7.859.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bún -	Hà Nội	01059
237	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.480	2.160	1.440	1.440	1.440	62.856.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bún -	Hà Nội	01059
238	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.890	2.280	2.610	0	0	12.200.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
239	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.370	0	0	2.670	2.700	13.398.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
240	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.000	13.020	6.840	7.140	0	95.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
241	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.680	6.000	8.280	7.000	7.400	371.147.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
242	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.720	5.000	6.040	7.000	6.680	239.784.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội	01084
243	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.360	420	630	590	720	5.888.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
244	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.700	900	900	1.000	900	9.231.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
245	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.500	1.680	1.320	1.820	1.680	22.880.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
246	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	155.292.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
247	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.320	2.760	2.040	2.760	2.760	100.104.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội	01021
248	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.170	1.440	1.620	1.710	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám đa khoa Linh Đàm quận Hoàng Mai	Hà Nội	01045
249	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.930	6.930	3.930	4.020	4.050	47.230.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
250	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	42.960	14.640	9.300	9.480	9.540	151.219.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
251	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.840	5.220	3.420	3.600	3.600	204.985.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092
252	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.840	5.220	3.420	3.600	3.600	153.648.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội	01092

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
253	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	23.260	8.080	4.760	5.120	5.300	81.875.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
254	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.510	15.120	11.130	11.130	11.130	627.767.910	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
255	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	48.510	15.120	11.130	11.130	11.130	470.547.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn	Hà Nội	01091
256	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.760	1.200	1.320	1.560	1.680	74.540.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	Hà Nội	01066
257	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.760	1.200	1.320	1.560	1.680	55.872.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	Hà Nội	01066
258	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội	01074
259	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.320	2.880	3.240	3.600	3.600	129.204.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội	01074
260	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
261	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	900	900	0	0	0	3.168.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
262	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.960	3.000	3.240	3.360	3.360	167.715.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
263	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.200	3.120	3.240	3.360	3.480	128.040.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	42315
264	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.850	7.650	4.230	4.470	4.500	52.020.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
265	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	83.340	30.540	16.920	17.880	18.000	293.356.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
266	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	98.400	36.000	20.400	20.400	21.600	1.273.394.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
267	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	68.280	25.080	13.440	15.360	14.400	662.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương	30341
268	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	17.520	4.200	4.350	4.470	4.500	43.712.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Hải Phòng	31153
269	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	331.200	82.080	82.752	83.136	83.232	4.286.059.200	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Hải Phòng	31153
270	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	82.800	20.520	20.688	20.784	20.808	803.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Hải Phòng	31153
271	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.380	3.240	3.330	3.390	3.420	33.383.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
272	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.120	10.080	10.680	10.680	10.680	545.074.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
273	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.440	2.520	2.640	2.640	2.640	101.268.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	31031
274	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồn Lương	Hải Phòng	31014

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
275	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.290	1.050	1.080	1.080	1.080	10.703.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng	31008
276	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.650	1.140	1.170	1.170	1.170	11.601.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng	31006
277	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.140	1.500	840	900	900	10.329.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	Hải Phòng	31003
278	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện An Dương	Hải Phòng	31007
279	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	Hải Phòng	31013
280	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	31011
281	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	1.440	810	810	810	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hải An	Hải Phòng	31020
282	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm y tế Quận Hồng Bàng	Hải Phòng	31002
283	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.240	2.280	1.260	1.350	1.350	15.568.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	Hải Phòng	31004
284	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	Hải Phòng	31012
285	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.820	490	450	480	400	4.540.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
286	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.840	500	450	480	410	4.590.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
287	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.640	2.040	1.920	2.000	1.680	26.892.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
288	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.000	2.340	2.340	2.340	1.980	116.469.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
289	A04.N2	Lopinavir+ Ritonavir Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.000	2.340	2.340	2.340	1.980	87.300.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang	93108
290	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.710	570	1.770	1.770	600	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
291	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.000	1.200	2.100	2.100	600	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
292	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	28.260	3.840	8.000	8.180	8.240	99.475.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
293	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.540	2.160	6.240	6.540	6.600	278.749.140	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
294	A04.N2	Lopinavir+ Ritonavir Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	21.660	2.160	6.240	6.540	6.720	210.102.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	93105
295	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.860	300	360	600	600	4.640.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
296	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.720	780	990	930	1.020	9.281.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
297	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.840	240	1.200	1.200	1.200	13.516.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
298	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	0	4.920	5.280	3.600	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
299	A04.N2	Lopinavir Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	23.880	6.480	4.920	5.280	7.200	231.636.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	17001
300	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000	19.960.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
301	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.640	880	880	910	970	9.081.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
302	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	70.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	17010
303	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
304	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	240	60	60	60	60	598.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
305	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	240	60	60	60	60	844.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình	17008
306	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.070	570	450	510	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
307	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.850	900	600	600	750	10.032.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
308	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.300	900	600	900	900	42.705.300	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
309	A04.N2	Lopinavir Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.220	660	480	540	540	21.534.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh	79034
310	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
311	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.600	1.650	1.650	1.650	1.650	16.467.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
312	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	70.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
313	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	131.040	32.760	32.760	32.760	32.760	1.695.788.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh	79394
314	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.360	3.060	3.300	0	0	22.387.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS(thuộc TTYT Nhà Bè)	Hồ Chí Minh	79585
315	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	56.160	14.040	14.040	14.040	14.040	726.766.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS(thuộc TTYT Nhà Bè)	Hồ Chí Minh	79585
316	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	675	180	180	180	135	1.684.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
317	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.575	420	420	420	315	3.929.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
318	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	15.206.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
319	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	34.560	8.640	8.640	8.640	8.640	447.240.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
320	A04.N2	Lopinavir Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	51.840	12.960	12.960	12.960	12.960	502.848.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh	79405
321	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.780	445	445	445	445	6.265.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2	Hồ Chí Minh	79408
322	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.120	3.780	3.780	3.780	3.780	195.667.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2	Hồ Chí Minh	79408
323	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
324	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	37.200	9.300	9.300	9.300	9.300	130.944.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
325	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	152.160	38.040	38.040	38.040	38.040	1.969.102.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh	79499
326	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	0	180	0	180	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
327	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	0	180	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
328	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	38.490	0	19.245	0	19.245	135.484.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
329	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	232.440	58.110	58.110	58.110	58.110	3.008.006.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79037
330	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.820	2.205	2.205	2.205	2.205	22.005.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	Hồ Chí Minh	79594
331	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	140.040	35.010	35.010	35.010	35.010	1.812.257.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	Hồ Chí Minh	79594
332	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
333	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.190	540	540	540	570	5.464.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
334	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.800	4.200	4.200	4.200	4.200	59.136.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
335	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	113.400	28.320	28.320	28.320	28.440	1.467.509.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79652
336	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.780	945	945	945	945	13.305.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKDK Galant)	Hồ Chí Minh	79557
337	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	2.160	2.160	2.160	2.160	111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz - PKDK Galant)	Hồ Chí Minh	79557

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
338	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
339	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.150	1.537	1.537	1.538	1.538	15.344.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
340	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.380	6.845	6.845	6.845	6.845	96.377.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
341	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	870	870	870	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
342	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	20.820	6.000	4.410	4.410	6.000	73.286.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
343	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	480	120	120	120	120	1.197.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	79042
344	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	170	170	170	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	79042
345	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.340	1.085	1.085	1.085	1.085	15.276.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	79042
346	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	27.960	6.960	6.960	6.960	7.080	361.830.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh	79042
347	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.120	780	780	780	780	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
348	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.090	780	780	780	750	7.709.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
349	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	16.560	4.140	4.140	4.140	4.140	58.291.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
350	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	68.520	17.160	17.160	17.160	17.040	886.717.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh	79617
351	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	183.720	45.930	45.930	45.930	45.930	2.377.520.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79609
352	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.875	0	5.437	0	5.438	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
353	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.875	5.437	0	5.438	0	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
354	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.770	0	20.385	0	20.385	143.510.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
355	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	211.920	52.980	52.980	52.980	52.980	2.742.456.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám Đa Khoa Thuộc Trung Tâm Y tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh	79603
356	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	224.040	56.010	56.010	56.010	56.010	2.899.301.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79651
357	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	168.000	37.320	36.120	56.760	37.800	2.174.088.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
358	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.350	990	1.080	1.380	900	10.853.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
359	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	990	1.080	1.380	1.350	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
360	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	33.000	7.920	7.440	10.440	7.200	116.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79591
361	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	405	405	405	405	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
362	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.920	1.980	1.980	1.980	1.980	27.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
363	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	48.960	12.240	12.240	12.240	12.240	633.591.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh	79612
364	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
365	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	22.390	5.597	5.597	5.597	5.599	55.863.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
366	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	64.000	16.000	16.000	16.000	16.000	225.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
367	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	226.680	56.670	56.670	56.670	56.670	2.933.465.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh	79600
368	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
369	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
370	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	62.220	15.300	15.480	15.690	15.750	219.014.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
371	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	248.640	60.120	61.560	63.240	63.720	3.217.650.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79662
372	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.860	2.700	2.700	2.700	2.760	27.095.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
373	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.920	2.730	2.730	2.730	2.730	27.245.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
374	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	28.800	7.200	7.200	7.200	7.200	101.376.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
375	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	113.760	28.440	28.440	28.440	28.440	1.472.168.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh	79613
376	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.348	1.837	1.837	1.837	1.837	18.333.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
377	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.352	1.838	1.838	1.838	1.838	18.343.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
378	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.652	10.163	10.163	10.163	10.163	143.095.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
379	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	270.600	67.650	67.650	67.650	67.650	3.501.834.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh	79657
380	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.230	2.550	2.550	2.550	2.580	25.523.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế Quận 7	Hồ Chí Minh	79584
381	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.320	2.580	2.580	2.580	2.580	25.748.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế Quận 7	Hồ Chí Minh	79584
382	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	26.460	6.600	6.600	6.600	6.660	93.139.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế Quận 7	Hồ Chí Minh	79584
383	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	76.320	19.080	19.080	19.080	19.080	987.657.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế Quận 7	Hồ Chí Minh	79584
384	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	11.220	1.350	2.910	3.540	3.420	27.993.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
385	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	40.020	12.000	10.020	9.000	9.000	99.849.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
386	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	144.000	36.000	36.000	36.000	36.000	506.880.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
387	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	324.240	82.200	81.240	80.520	80.280	4.195.989.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh	79581
388	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	840	210	210	210	210	2.095.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
389	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	960	240	240	240	240	2.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
390	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.700	3.000	3.000	3.000	2.700	41.184.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
391	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	120.000	24.960	24.960	42.720	27.360	1.552.920.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79583
392	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.828	1.957	1.957	1.957	1.957	27.554.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Quận Bình Tân - Cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79586
393	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	112.920	28.230	28.230	28.230	28.230	1.461.297.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Quận Bình Tân - Cơ sở 3	Hồ Chí Minh	79586
394	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	195.840	48.960	48.960	48.960	48.960	2.534.365.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
395	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
396	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	20.500	5.125	5.125	5.125	5.125	51.147.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
397	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	67.260	16.815	16.815	16.815	16.815	236.755.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79653
398	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.600	14.400	14.400	14.400	14.400	745.401.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656
399	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79656

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
400	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79636
401	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.460	7.320	7.380	7.380	7.380	103.699.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79636
402	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	9.700	2.425	2.425	2.425	2.425	24.201.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
403	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
404	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	40.000	10.000	10.000	10.000	10.000	140.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
405	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	208.240	51.960	51.960	51.960	52.360	2.694.833.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79663
406	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.080	2.160	2.220	3.450	2.250	25.149.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
407	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.170	2.190	2.250	3.480	2.250	25.374.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
408	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	27.720	6.000	6.240	9.480	6.000	97.574.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
409	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	23.490	11.745	0	11.745	0	82.684.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79607
410	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	269.280	67.320	67.320	67.320	67.320	3.484.752.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh	79607
411	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	70.080	15.000	16.200	22.320	16.560	906.905.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh	79664
412	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
413	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
414	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	70.500	17.625	17.625	17.625	17.625	248.160.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
415	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	290.760	72.690	72.690	72.690	72.690	3.762.725.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh	79655
416	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.200	1.800	1.800	1.800	1.800	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
417	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.358	948	1.260	1.530	1.620	13.368.210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
418	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.310	6.330	7.260	7.860	7.860	103.171.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
419	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
420	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.480	5.400	8.160	8.400	8.520	295.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	33913
421	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	91001
422	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	57.240	14.040	14.400	14.400	14.400	740.742.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	91001
423	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.330	1.050	690	780	810	8.308.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	Kiên Giang	91917
424	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.850	230	540	540	540	4.615.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang	91011
425	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	6.120	4.320	4.320	4.320	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang	91011
426	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang	91002
427	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.760	1.440	1.440	1.440	1.440	74.540.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang	91002
428	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.600	5.040	2.520	2.520	2.520	163.056.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	Kiên Giang	91009
429	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.360	4.680	4.560	4.560	4.560	237.596.760	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	Kiên Giang	91007
430	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	91006
431	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	20.520	6.360	4.200	4.920	5.040	265.549.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	91006
432	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	91013
433	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.440	3.240	2.160	2.520	2.520	135.104.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	91013
434	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	540	450	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang	91004
435	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	5.040	3.720	4.200	4.320	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang	91004
436	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.680	1.740	1.860	2.010	2.070	19.161.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang	91101
437	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	44.520	9.360	10.560	12.000	12.600	576.133.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang	91101
438	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang	91010
439	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	62001
440	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.160	540	540	540	540	7.603.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	62001
441	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
442	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.700	540	720	720	720	9.504.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152
443	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum	62152
444	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	32.400	12.960	6.480	6.480	6.480	314.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất - CDC	Khánh Hòa	KCBCDC
445	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa	56192
446	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa	56192
447	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	56003
448	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.200	2.880	1.440	1.440	1.440	69.840.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	56003
449	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	23.400	7.920	4.800	5.280	5.400	226.980.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	Lai Châu	12143
450	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện phong Thổ	Lai Châu	12013
451	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên	Lai Châu	12101
452	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.920	3.840	2.160	2.400	2.520	105.924.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Than Uyên	Lai Châu	12016
453	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.200	300	300	300	300	15.529.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	12001
454	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.640	1.440	1.200	1.800	1.200	54.708.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	12001
455	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	360	180	180	180	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	20011
456	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	35.400	13.800	7.200	7.200	7.200	458.111.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	20011
457	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	30.480	10.920	6.000	6.720	6.840	295.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	20011
458	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên	Lào Cai	10004
459	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10007
460	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai	10009
461	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	1.260	180	360	360	360	4.435.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai	10009
462	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
463	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	16.896.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
464	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.600	900	900	900	900	46.587.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
465	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	39.600	9.900	9.900	9.900	9.900	384.120.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	10061
466	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.950	600	450	450	450	4.865.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai	10008
467	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.900	1.200	900	900	900	13.728.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai	10008
468	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.420	720	900	900	900	12.038.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
469	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.840	1.440	1.800	1.800	1.800	88.516.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
470	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.840	1.440	1.800	1.800	1.800	66.348.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	68650
471	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
472	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	5.580	1.620	1.200	1.380	1.380	19.641.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
473	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	3.240	3.240	3.720	3.600	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
474	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.520	3.240	3.600	3.720	3.960	140.844.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	68001
475	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.600	1.440	1.620	1.740	1.800	23.232.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
476	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.720	2.160	2.520	2.640	2.400	125.786.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
477	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.320	2.160	2.520	2.640	3.000	100.104.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	68440
478	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.320	4.080	4.080	4.080	4.080	211.197.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hậu Nghĩa	Long An	80007
479	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.080	5.520	5.520	5.520	5.520	214.176.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hậu Nghĩa	Long An	80007
480	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.120	1.200	1.440	1.680	1.800	79.198.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	Long An	80013
481	A04.N2	Lopinune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.880	1.800	2.040	2.520	2.520	86.136.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	Long An	80013
482	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.370	1.920	2.040	2.160	2.250	20.883.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001
483	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	27.120	5.760	6.960	7.200	7.200	350.959.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
484	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	36.360	8.400	8.760	9.480	9.720	352.692.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An	80001
485	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.120	600	750	870	900	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
486	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	18.480	4.560	4.560	4.680	4.680	239.149.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
487	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	24.600	6.120	6.120	6.120	6.240	238.620.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An	80004
488	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.890	450	450	450	540	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	Long An	80006
489	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	12.720	2.640	3.000	3.480	3.600	164.609.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	Long An	80006
490	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	18.960	3.960	4.440	5.160	5.400	183.912.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	Long An	80006
491	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.420	900	720	900	900	12.038.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
492	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.880	1.560	1.200	1.560	1.560	76.093.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
493	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.800	2.040	1.680	2.040	2.040	75.660.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Long An	80010
494	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	360	270	270	270	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
495	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	6.240	1.560	1.560	1.560	1.560	80.751.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
496	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.160	2.040	2.040	2.040	2.040	79.152.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An	80003
497	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.680	600	360	360	360	4.191.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	36017
498	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.480	3.000	2.160	2.160	2.160	122.680.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	36017
499	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.400	3.000	1.800	1.800	1.800	108.704.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Nam Định	36001
500	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.610	1.800	1.800	1.800	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định	36060
501	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	41.520	13.560	9.240	9.360	9.360	537.310.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định	36060
502	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.080	4.440	2.880	2.880	2.880	169.268.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	Nam Định	36028
503	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.560	6.600	4.320	4.320	4.320	253.125.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	Nam Định	36022
504	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	17.280	6.480	3.600	3.600	3.600	223.620.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	Ninh Bình	37701
505	A04.N2	Lopimunc Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360	2.880	2.160	2.160	2.160	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	Ninh Bình	37701

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
506	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
507	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	56.520	17.460	11.640	13.380	14.040	731.425.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
508	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	56.520	17.460	11.640	13.380	14.040	548.244.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	37094
509	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	37401
510	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	37401
511	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình	37501
512	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.520	3.120	1.800	1.800	1.800	110.257.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình	37501
513	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	1.440	720	720	720	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	Ninh Bình	37201
514	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.120	960	720	720	720	30.264.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Yên Mô	Ninh Bình	37601
515	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận	58004
516	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận	58004
517	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	1.440	720	720	720	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước	Ninh Thuận	58002
518	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận	58082
519	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận	58012
520	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận	58012
521	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.730	3.330	1.800	1.800	1.800	21.781.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	58083
522	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	58083
523	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An	40006
524	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.200	2.880	1.440	1.440	1.440	69.840.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	Nghệ An	40011
525	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	38.920	12.460	8.580	8.880	9.000	136.998.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001
526	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	142.800	34.800	36.000	36.000	36.000	1.847.974.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
527	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.480	8.640	9.480	11.760	12.600	412.056.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	40001
528	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.080	720	840	1.440	1.080	39.576.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	40005
529	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	780	330	330	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An	40019
530	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	450	270	270	270	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	Nghệ An	40013
531	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Châu	Nghệ An	40017
532	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	40567
533	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An	40012
534	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.600	900	900	900	900	46.587.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	Nghệ An	40014
535	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600	900	900	900	900	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	Nghệ An	40014
536	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Nam Đàn	Nghệ An	40003
537	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.250	1.710	1.980	2.070	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25001
538	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.960	2.760	2.160	2.520	2.520	96.612.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25001
539	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.990	1.140	1.020	930	900	9.955.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
540	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.520	880	880	1.880	1.880	71.434.320	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
541	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.000	2.000	2.000	1.000	1.000	58.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	25002
542	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.976	1.152	1.440	1.656	1.728	77.335.416	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25044
543	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.944	2.688	3.360	3.864	4.032	135.256.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	25044
544	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.390	810	810	870	900	8.458.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010
545	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	840	900	1.020	1.080	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010
546	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.840	840	900	1.020	1.080	37.248.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	25010
547	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phú Yên	54117

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
548	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.120	4.320	3.600	3.600	3.600	146.664.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRI NGHIỆN CHẤT THUỘC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phú Yên	54117
549	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	900	990	990	990	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
550	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.700	540	720	720	720	34.940.700	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
551	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.700	540	720	720	720	26.190.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	44417
552	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.400	600	600	600	600	5.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
553	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.080	1.020	1.020	1.020	1.020	10.179.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
554	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	16.896.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
555	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.000	6.000	6.000	6.000	6.000	310.584.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
556	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	21.360	4.800	5.520	5.520	5.520	207.192.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	49001
557	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	Quảng Ninh	22020
558	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	45.720	8.760	17.280	9.600	10.080	443.484.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	22030
559	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Quảng Ninh	22007
560	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	0	0	450	450	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	22001
561	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	386.400	95.400	96.720	97.080	97.200	5.000.402.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	22001
562	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	420	90	150	90	90	1.047.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh	22022
563	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	24.120	5.520	6.000	6.240	6.360	312.136.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	22027
564	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.240	3.720	3.960	3.840	3.720	147.828.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	22027
565	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	540	1.080	540	540	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Văn Đồn	Quảng Ninh	22021
566	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	540	0	0	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	22015
567	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	450	900	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	22017

Phuoc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
568	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	3.060	600	720	840	900	10.771.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
569	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.560	1.560	1.800	2.040	2.160	97.833.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
570	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.800	1.560	1.920	2.160	2.160	75.660.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Quảng Ngãi	51224
571	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.860	1.080	1.260	1.260	1.260	62.893.260	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	45092
572	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.860	1.080	1.260	1.260	1.260	47.142.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	45092
573	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	78.720	29.520	16.200	16.440	16.560	1.018.715.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94001
574	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94029
575	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.880	1.800	2.160	2.400	2.520	114.916.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	94029
576	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	4.320	4.680	5.040	5.040	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	Sóc Trăng	94002
577	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	12.960	3.240	3.240	3.240	3.240	125.712.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế thành phố Sóc Trăng	Sóc Trăng	94030
578	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	9.720	2.160	2.520	2.520	2.520	125.786.520	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu	Sóc Trăng	94007
579	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	90	90	0	0	0	224.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	14001
580	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	37.440	9.000	9.000	9.720	9.720	484.511.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	14001
581	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVĐK Bắc Yên	Sơn La	14010
582	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	720	1.080	1.080	1.080	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BVĐK Bắc Yên	Sơn La	14010
583	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.490	480	600	690	720	6.212.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	14002
584	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	79.680	18.480	19.680	20.640	20.880	1.031.138.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	14002
585	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.040	1.080	1.080	1.440	1.440	65.222.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La	Sơn La	14009
586	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.104	1.836	2.556	2.796	2.916	130.755.864	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên	Sơn La	14004
587	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	16.440	3.840	3.960	4.320	4.320	212.750.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai	Sơn La	14008
588	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	19.080	5.760	4.080	4.560	4.680	246.914.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã	Sơn La	14007
589	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	720	720	720	720	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Sốp Cộp	Sơn La	14015

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
590	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	28.560	5.880	7.080	7.680	7.920	369.594.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thào Nguyên huyện Mộc Châu	Sơn La	14011
591	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	315	405	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La	14005
592	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	55.680	10.980	13.320	15.360	16.020	720.554.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La	14005
593	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.670	630	630	690	720	6.661.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La	14006
594	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	15.000	3.000	3.480	4.200	4.320	194.115.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La	14006
595	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	69.480	34.740	34.740			899.140.680	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TÂY NINH	Tây Ninh	72010
596	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	69.480			34.740	34.740	673.956.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TÂY NINH	Tây Ninh	72010
597	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
598	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	720	180	180	180	180	2.534.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
599	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	1.800	2.160	2.160	2.160	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh	72005
600	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.680	5.400	5.760	5.760	5.760	219.996.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	Tây Ninh	72003
601	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	26.640	6.120	6.840	6.840	6.840	258.408.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	Tây Ninh	72002
602	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.400	1.920	2.040	2.190	2.250	20.958.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	Tây Ninh	72004
603	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.920	3.960	4.320	4.320	4.320	164.124.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	Tây Ninh	72004
604	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.200	1.440	1.710	1.980	2.070	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
605	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.160	3.480	2.280	2.640	2.760	144.421.560	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
606	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	10.800	3.360	2.160	2.640	2.640	104.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	82003
607	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.580	1.080	1.350	1.530	1.620	13.922.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002
608	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	2.640	1.680	2.160	2.160	111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002
609	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.640	2.640	1.800	2.040	2.160	83.808.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang	82002
610	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	38.820	9.450	9.630	9.840	9.900	96.855.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215
611	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	52.800	12.960	13.320	13.200	13.320	683.284.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
612	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.750	52.920	12.960	13.320	13.320	13.320	513.324.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang	82215
613	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	360	360	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
614	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	6.480	1.440	1.440	1.800	1.800	22.809.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
615	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.920	3.960	3.960			102.492.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
616	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360			4.680	4.680	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	08101
617	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	270	270	360	360	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501
618	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	2.520	540	540	720	720	8.870.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501
619	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.240	1.440	1.800			41.928.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501
620	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.600			1.800	1.800	34.920.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	08501
621	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.800		2.160		51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	08401
622	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320		2.160		2.160	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	08401
623	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.220	450	540	600	630	5.538.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang	08602
624	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	4.440	900	1.080	1.200	1.260	15.628.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang	08602
625	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	720	720	720	720	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang	08602
626	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.440	1.440	1.530	1.530	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
627	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.880	2.880	2.880	3.060	3.060	41.817.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
628	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.200			3.600	3.600	93.175.200	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
629	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.240	3.000	3.240			60.528.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	08303
630	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.710	960	1.110	1.290	1.350	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	08204
631	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	9.420	1.920	2.220	2.580	2.700	33.158.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	08204
632	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.350	540	270	270	270	13.095.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Nhi tỉnh	Thái Bình	34321

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
633	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình	34006
634	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.320	2.880	0	1.440	0	55.905.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình	34006
635	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.880	0	1.440	0	1.440	27.936.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình	34006
636	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HƯNG HÀ	Thái Bình	34008
637	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.360	1.800	2.520	2.520	2.520	90.792.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HƯNG HÀ	Thái Bình	34008
638	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	34004
639	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.160	2.520	2.880	2.880	2.880	108.252.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	34004
640	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
641	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.240	1.080	720	720	720	41.928.840	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
642	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.080	1.440	1.440	1.440	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình	34007
643	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.790	630	720	720	720	6.961.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	34005
644	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	9.720	2.160	2.520	2.520	2.520	94.284.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	34005
645	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	8.280	1.800	2.160	2.160	2.160	80.316.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	Thái Bình	34001
646	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.920	570	450	450	450	4.790.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
647	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.640	3.600	2.520	2.520		111.810.240	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
648	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.520				2.520	24.444.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình	34009
649	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
650	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.040	5.040	0	0	0	65.222.640	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
651	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.560	0	2.520	2.520	2.520	73.332.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình	34002
652	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	810	900	900	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
653	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.760	5.280	6.480	0	0	152.186.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
654	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.160	0	0	6.960	7.200	137.352.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình	34003
655	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.850	720	720	720	690	7.110.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
656	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	51.600	12.000	12.720	13.320	13.560	667.755.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012
657	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	47.880	11.880	12.000	12.000	12.000	464.436.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện A	Thái Nguyên	19012
658	A01.N5	Aviranx tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	660	450	510	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
659	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.000	840	720	720	720	38.823.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
660	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.560	1.320	1.080	1.080	1.080	44.232.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	19009
661	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	Thái Nguyên	19003
662	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	900	360	180	180	180	8.730.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	Thái Nguyên	19003
663	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	8.400	3.360	1.680	1.680	1.680	108.704.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	19007
664	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	6.000	2.400	1.200	1.200	1.200	58.200.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	19007
665	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.120	1.080	600	720	720	40.375.920	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	19004
666	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.560	2.520	1.560	1.680	1.800	73.332.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	19004
667	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	19005
668	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	19005
669	A01.N5	Aviranx tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	290	0	0	0	290	723.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
670	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	14.760	1.080	4.320	4.680	4.680	191.009.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
671	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.760	1.080	4.320	4.680	4.680	143.172.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	19001
672	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	23.280	9.240	4.680	4.680	4.680	301.266.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Phố Yên	Thái Nguyên	19008
673	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	34.320	13.800	6.840	6.840	6.840	332.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Phố Yên	Thái Nguyên	19008
674	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	38180
675	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	38180
676	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	360	240	240	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	38210
677	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	38210
678	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.680	600	480	360	240	21.740.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Như Thanh	Thanh Hóa	38250

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
679	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.920	720	480	360	360	18.624.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Như Thanh	Thanh Hóa	38250
680	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.880	1.080	600	600	600	37.270.080	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	Thanh Hóa	38220
681	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.320	1.620	900	900	900	41.904.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	Thanh Hóa	38220
682	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	960	960	960	960	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Thanh Hóa	38090
683	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	7.680	1.920	1.920	1.920	1.920	74.496.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Thanh Hóa	38090
684	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	Thanh Hóa	38040
685	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	Thanh Hóa	38040
686	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.080	360	240	240	240	13.976.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	38280
687	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	720	240	240	120	120	6.984.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	38280
688	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	360	240	240	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	Thanh Hóa	38030
689	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	Thanh Hóa	38030
690	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.320	600	240	240	240	17.082.120	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	38050
691	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	2.280	840	480	480	480	22.116.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	38050
692	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	480	240	120	120	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	Thanh Hóa	38190
693	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	840	360	240	120	120	8.148.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	Thanh Hóa	38190
694	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	900	360	180	180	180	11.646.900	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	38080
695	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	900	360	180	180	180	8.730.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	38080
696	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	Thanh Hóa	38160
697	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	Thanh Hóa	38160
698	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	38200
699	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	38200
700	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.280	840	480	480	480	29.505.480	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	38070
701	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.120	1.320	600	600	600	30.264.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	38070

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
702	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.800	720	360	360	360	23.293.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	38230
703	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.800	720	360	360	360	17.460.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	38230
704	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	21.600	5.160	5.400	5.520	5.520	279.525.600	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	Thanh Hóa	38010
705	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.760	3.480	3.600	3.840	3.840	143.172.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	Thanh Hóa	38010
706	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	69.881.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	Thanh Hóa	38020
707	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.400	1.800	1.200	1.200	1.200	52.380.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	Thanh Hóa	38020
708	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.440	360	360	360	360	18.635.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân Thanh Hóa	Thanh Hóa	38120
709	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân Thanh Hóa	Thanh Hóa	38120
710	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	42.000	18.000	12.000	6.000	6.000	543.522.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa	Thanh Hóa	38741
711	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	42.200	18.000	12.000	6.000	6.200	409.340.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa	Thanh Hóa	38741
712	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	180	0	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
713	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.400	1.200	600	600	0	31.058.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
714	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.800	2.400	1.200	1.200	0	46.560.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	46001
715	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.550	2.790	930	930	900	13.847.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
716	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	7.920	3.960	1.320	1.320	1.320	102.492.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
717	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	14.400	7.200	2.400	2.400	2.400	139.680.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	46211
718	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	960	240	240	240	240	12.423.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	84007
719	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	480	120	120	120	120	4.656.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	84007
720	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	14.760	3.360	3.600	3.840	3.960	191.009.160	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	84001
721	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.680	3.240	3.240	3.600	3.600	132.696.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	84001

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
722	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	1.440	360	360	360	360	18.635.040	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	Trà Vinh	84004
723	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	Trà Vinh	84004
724	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.840	960	960	960	960	49.693.440	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	Trà Vinh	84006
725	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.440	840	1.200	1.200	1.200	43.068.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	Trà Vinh	84006
726	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	62.116.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Cảng Long	Trà Vinh	84002
727	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.920	960	1.320	1.320	1.320	47.724.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Cảng Long	Trà Vinh	84002
728	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.560	960	1.200	1.200	1.200	59.010.960	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Trà Vinh	84003
729	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.800	840	1.320	1.320	1.320	46.560.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Trà Vinh	84003
730	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	2.400	600	600	600	600	31.058.400	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	84008
731	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.920	480	480	480	480	18.624.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	84008
732	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.185	710	720	855	900	7.946.575	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
733	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.175	700	720	855	900	7.921.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
734	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	29.440	7.240	6.840	7.560	7.800	103.628.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
735	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	67.080	17.460	15.780	16.740	17.100	868.082.280	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
736	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	67.080	17.460	15.780	16.740	17.100	650.676.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86001
737	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.360	750	750	810	1.050	8.383.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
738	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.620	1.080	1.050	1.140	1.350	11.526.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
739	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	7.920	2.700	1.500	1.620	2.100	27.878.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	86049
740	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.500	0	2.250	2.250	0	11.227.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
741	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.570	1.320	0	0	2.250	8.907.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
742	A03.N2	Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg	VN2-645-17	Lamivudin + Zidovudin	150mg + 300mg	Viên	Uống	Nhóm 2	3.520	11.640	2.640	4.500	0	4.500	40.972.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	86032
743	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	26008

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh	Mã KCB
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV					
744	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.800	4.200	3.120	3.240	3.240	178.585.800	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	26008
745	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	22.320	5.580	5.580	5.580	5.580	216.504.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Bệnh viện đa khoa khu vực nghĩa lộ	Yên Bái	15901
746	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái	15101
747	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
748	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	13.920	0	6.960	0	6.960	180.138.720	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
749	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	13.560	7.080	0	6.480	0	131.532.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái	15601
750	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	15201
751	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	15.840	3.960	3.960	3.960	3.960	153.648.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	15201
752	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.080	1.080	1.080	720	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	15501
753	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	5.040	1.260	1.260	1.260	1.260	48.888.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	15501
754	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
755	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	11.970	3.000	3.000	3.000	2.970	154.903.770	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
756	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	11.970	3.000	3.000	3.000	2.970	116.109.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	15104
757	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	1.440	360	360	360	360	13.968.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Trạm Tấu	Yên Bái	15801
758	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	120	120	120	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
759	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	10.000	4.000	2.000	2.000	2.000	129.410.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
760	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	16.460	6.080	3.040	3.040	4.300	159.662.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	15701
761	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	60.563.880	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	15401
762	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	4.680	1.440	1.080	1.080	1.080	45.396.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	15401
763	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301
764	A04.N1	Aluvia	VN-17801-14	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 1	12.941	3.960	1.260	900	900	900	51.246.360	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301
765	A04.N2	Lopimune Tablets	VN2-592-17	Lopinavir+ Ritonavir	200mg+ 50mg	Viên	Uống	Nhóm 2	9.700	3.960	1.260	900	900	900	38.412.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	15301